

PHẠM HOÀI PHONG*
PHAN VĂN CHÍN**

PHẬT GIÁO DẪN THÂN CỦA THIỀN SƯ THÍCH NHẤT HẠNH: KHÁI NIỆM VÀ CÁC PHƯƠNG DIỆN BIỂU HIỆN

Tóm tắt: Thiền sư Thích Nhất Hạnh là người khởi xướng phong trào “Phật giáo dẫn thân” từ thập niên 60 của thế kỷ 20. “Phật giáo dẫn thân” của ông được biết đến như một khuynh hướng mới của Phật giáo thời hiện đại và từng bước được tiếp nhận một cách rộng rãi trên thế giới, đặc biệt là ở các nước Âu - Mỹ ngày nay. Có thể nói, cùng với những tên tuổi nổi bật trong phong trào đưa Phật giáo gần hơn với cuộc sống, như: Dalai Lama thứ 14, Hòa thượng Tinh Vân, Sulak Sivaraksa, Robert Aitken Roshi, Joanna Macy, Gary Snyder, Alan Senauke, Ken Jones, Tara Brach và Bhikkhu Bodhi, hoạt động “Phật giáo dẫn thân” của Thiền sư Thích Nhất Hạnh đã thổi một luồng sinh khí mới cho đời sống Phật giáo trên toàn thế giới, trong đó có Phật giáo Việt Nam. Bằng việc khảo cứu tư liệu và cuộc đời hoạt động của ông, nghiên cứu này sẽ chỉ rõ nội hàm khái niệm Phật giáo dẫn thân, các phương diện biểu hiện, đặc trưng và giá trị của nó trong đời sống xã hội đương đại.

Từ khóa: Thích Nhất Hạnh; Phật giáo dẫn thân; đương đại; Phật giáo Việt Nam; đặc trưng; giá trị.

Dẫn nhập

Phật giáo dẫn thân là một khuynh hướng lớn của Phật giáo thời hiện đại với nhiều hoạt động mới nhằm giải quyết các vấn đề của con người và xã hội đương đại. Trên thế giới, cùng với nhiều tên

* Khoa Triết học, Học viện Nhân văn, Đại học Hạ Môn, Trung Quốc.

** Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
Ngày nhận bài: 05/6/2020; Ngày biên tập: 21/8/2020; Duyệt đăng: 21/10/2020.

tuổi đại diện tiêu biểu Đại sư Thái Hư, Dalai Lama thứ 14, Hòa thượng Tinh Vân, Sulak Sivaraksa¹, Robert Aitken Roshi², Joanna Macy³, Gary Snyder⁴, Alan Senauke⁵, Ken Jones⁶, Tara Brach⁷ và Bhikkhu Bodhi⁸, Thiền sư Thích Nhất Hạnh được xem là một trong những người khởi xướng phong trào Phật giáo dẫn thân này. Sự thành công của Thiền sư Thích Nhất Hạnh trong vai trò người khởi xướng thể hiện tính linh động, thích ứng mạnh mẽ của Phật giáo trong bối cảnh xã hội đương đại. Bằng phương pháp hệ thống, khảo sát và phân tích tài liệu và từ góc nhìn văn hóa - tôn giáo, nghiên cứu này sẽ trình bày cuộc đời, trước tác và các phương diện biểu hiện Phật giáo dẫn thân của Thiền sư Thích Nhất Hạnh. Qua đó, xác định một số đặc trưng và giá trị tiêu biểu của nó trong đời sống xã hội đương đại.

1. Khái quát về cuộc đời và trước tác của Thiền sư Thích Nhất Hạnh

Thiền sư Thích Nhất Hạnh, thế danh là Nguyễn Xuân Bảo, là một tu sĩ Phật giáo, đồng thời là một giảng viên, nhà văn, nhà thơ, nhà khảo cứu, nhà hoạt động xã hội và vận động hòa bình nổi tiếng trên thế giới. Năm 16 tuổi, ông xuất gia với Thiền sư Thanh Quý - Chân Thật ở chùa Từ Hiếu với pháp danh là Trừng Quang, pháp tự Phùng Xuân, pháp hiệu là Nhất Hạnh. Với bản tính thông minh, nhạy bén và khao khát tìm hiểu tri thức nhân loại, Thiền sư Thích Nhất Hạnh không chỉ tiếp nhận nền giáo dục Phật giáo truyền thống, mà còn đã tìm đến triết học, văn học để bổ sung vào sự hiểu biết của mình⁹. Năm 1955, Thiền sư Thích Nhất Hạnh làm chủ bút tờ *Phật giáo Việt Nam*.

Năm 1964, ông lập nên trường *Thanh niên Phụng sự Xã hội* (School of Youth for Social Services - SYSS) nhằm đào tạo những người trẻ tuổi có chí hướng phục vụ trong xã hội nông thôn để cải biến và phát triển xã hội đó¹⁰. Đây một tổ chức hoạt động xã hội nhằm mục đích giúp dựng lại các làng bị đánh bom, xây trường học, trạm xá, và hỗ trợ điều kiện sinh hoạt và gây ý thức giúp người dân tự tổ chức lại nếp sống kinh tế, giáo dục, y tế của họ theo những

tiêu chuẩn phát triển cộng đồng. Thiền sư Thích Nhất Hạnh cũng là một trong những người thành lập Đại học Vạn Hạnh - trường đại học tư thục danh tiếng của miền Nam Việt Nam lúc bấy giờ, tập trung nhiều nhà nghiên cứu về Phật giáo, văn hóa và ngôn ngữ Việt Nam trong và ngoài nước. Ngoài ra, ông cũng là một trong những thành viên nòng cốt sáng lập nên nhà xuất bản Lá Bối - nhà xuất bản Phật giáo đầu tiên của Việt Nam. Năm 1966, Thiền sư Thích Nhất Hạnh lập ra pháp môn Tiếp Hiện (The Order of Interbeing) mà nền tảng thực hành chủ yếu của nó là 14 giới Tiếp hiện và không ngừng đi khắp nơi thuyết giảng và tổ chức các khoa tu thiền chính niệm.

Thiền sư Thích Nhất Hạnh đã nhiều lần đến Mỹ để nghiên cứu và diễn thuyết tại Đại học Princeton, Đại học Cornell và Đại học Columbia. Trong thời gian nghiên cứu và giảng dạy ở Mỹ, Thiền sư Thích Nhất Hạnh không chỉ có điều kiện để nghiên cứu một cách thấu đáo Phật giáo Việt Nam và thế giới, mà còn có cơ hội kêu gọi, tạo ý thức với cộng đồng thế giới về tình trạng chiến tranh ở Việt Nam và những vết thương mà nó gây ra cho đất nước và đồng bào của ông. Ông từng được Martin Luther King Jr. đề cử Giải Nobel Hòa bình năm 1967.

Từ năm 1976, đồng cảm sâu sắc với tình hình nguy hiểm của các thuyền nhân vượt biên từ Việt Nam sang nước ngoài, Thiền sư Thích Nhất Hạnh đã tổ chức những đợt cứu trợ, đưa người Việt Nam đến tỵ nạn ở các nước Thái Lan, Mã Lai... Năm 1982, ông thành lập Plum Tree Village (tạm dịch: Đạo tràng Mai Thôn), một trung tâm thiền tập nổi tiếng và có tầm ảnh hưởng lớn trên thế giới. Ngoài ra, Thiền sư Thích Nhất Hạnh còn thành lập nhiều đạo tràng tu học và các cơ sở giáo dục khắp nơi trên thế giới.

Năm 2005 và 2007, Thiền sư Thích Nhất Hạnh và giáo đoàn Phật giáo quốc tế thuộc Tăng thân Làng Mai của ông có chuyến trở về thăm Việt Nam. Năm 2014, Thiền sư Thích Nhất Hạnh trải qua quá trình hôn mê do xuất huyết não, khiến cho tình hình sức khỏe của ông giảm sút rõ rệt. Nhiều tổ chức y tế trên thế giới nỗ lực giúp

ông chữa bệnh. Năm 2016, sau khi sức khỏe có dấu hiệu phục hồi tốt hơn, Thiền sư từ Pháp đến tịnh dưỡng ở Trung tâm tu học Làng Mai ở Thái Lan. Năm 2017, ông một lần nữa trở lại Việt Nam và thăm chùa Từ Hiếu. Hiện tại, Thiền sư Thích Nhất Hạnh đang dưỡng bệnh ở Việt Nam. Mặc dù, không tự nhận là bậc thầy, nhưng với những đóng góp tích cực không mệt mỏi của mình, Thiền sư Thích Nhất Hạnh đã mang đến cho cộng đồng thế giới một phương pháp thực tập tự ý thức trong chính niệm và mở rộng tình thương của từng cá nhân.

Sự nghiệp trước tác của Thiền sư Thích Nhất Hạnh vô cùng phong phú, cả về số lượng và thể loại. Không chỉ nổi tiếng và xuất bản trong nước, tác phẩm của ông được dịch ra nhiều thứ tiếng trên thế giới. Có thể kể tới một số tác phẩm tiêu biểu của ông ở các lĩnh vực khác nhau. Về thơ ca, ông nổi tiếng với các tập thơ, như: *Tiếng địch chiều thu* (1949), *Ánh xuân vàng* (1950), *Thơ ngụ ngôn* (1950), *Chắp tay nguyện cầu cho bờ cầu trắng hiện* (1965) và *Tiếng đập cánh loài chim lớn* (1967). Ngoài ra, còn nhiều bài thơ của ông in trong các tạp chí Phật học, trong tư liệu của bạn bè, v.v... Về mảng văn xuôi, có thể kể tới một số tác phẩm tiêu biểu, như: đoàn văn *Bông hồng cài áo* (1962), *Nói với tuổi hai mươi* (1966), *Cửa từng đôi cánh gài* (1993), *Nẻo về của ý* (1967), *Đường xưa mây trắng* (1988), v.v... Nhưng có lẽ, ông nổi tiếng nhiều hơn với các tác phẩm chú giải kinh điển và thiền học ứng dụng. Trong đó nổi bật nhất là tác phẩm *Sen nở trời phong ngoại - Bình giảng Kinh Pháp Hoa*, *Bồ tát tại gia Bồ tát xuất gia - Giảng luận Kinh Duy Ma Cát*, *Guom báu chặt đứt phiền não - Dịch và chú giải Kinh Kim Cang*, *Đạo Phật áp dụng vào đời sống hàng ngày*, *Phép lạ của sự tỉnh thức*, *Nẻo vào thiền học*,... Có thể nói, cùng với các tác phẩm của Đạt Lai Lạt Ma, tác phẩm của ông được đông đảo người trên thế giới đón đọc, đặc biệt là người phương Tây¹¹. Ngoài ra, Thiền sư Thích Nhất Hạnh còn có một số tác phẩm nghiên cứu liên quan đến lịch sử văn hóa và lịch sử văn hóa Phật giáo. Trong đó, nổi bật nhất là *Việt Nam Phật giáo sử*

luận, tác phẩm được đánh giá là một trong những nghiên cứu sâu sắc và hệ thống nhất về Phật giáo Việt Nam, qua đó cung cấp cho giới nghiên cứu một cái nhìn hệ thống về Phật giáo và vai trò của nó đối với lịch sử, văn hóa dân tộc.

2. Phật giáo dẫn thân: Nền tảng nhận thức và nội hàm khái niệm

2.1. Nền tảng nhận thức

Về nền tảng nhận thức Phật giáo dẫn thân của Thiền sư Thích Nhất Hạnh, có thể đề cập ở ba nội dung chủ yếu. *Thứ nhất*, Phật giáo bắt nguồn từ sự giác ngộ của Đức Phật về bản chất của cuộc đời, do đó Phật giáo có tính gắn kết với cuộc đời nhưng đồng thời vượt lên trên cuộc đời. Theo Thiền sư Thích Nhất Hạnh, tính cách vượt lên cuộc đời của Phật giáo không có nghĩa là nó phủ nhận, ghét bỏ cuộc đời, mà đi vào cuộc đời với tất cả can đảm và thiện chí chuyển hóa cuộc đời¹². Theo cách nói của Thiền tông, đó là tinh thần “Thõng tay vào chợ”, đi vào cuộc đời nhưng hoàn toàn tự do, không chấp trước, không bị trói buộc bởi cuộc đời. *Thứ hai*, có thể thấy, tinh thần nhập thế của Phật giáo đã thể hiện ngay trong bản chất của Phật giáo. Nó không chỉ thể hiện ở quyết định hoằng pháp của Đức Phật¹³, cũng không chỉ ở lời khuyên các Tỷ-kheo hãy đi vào cuộc đời hoằng hóa sau khi Tăng đoàn Phật giáo có 60 người¹⁴, mà còn thể hiện thông qua đời sống Tăng đoàn cùng với việc hình thành nên các quy định mang tính đạo đức của Phật giáo khi Đức Phật còn tại thế¹⁵. Và nó được khái quát thành tinh thần “Phật pháp tại thế gian, bất ly thế gian giác, ly thế mịch Bồ đề, khắp như cầu thố giác” của thiền tông Trung Quốc, tinh thần “Nhập vận” của Thiền sư Vạn Hạnh, tinh thần “Hòa quang đồng trần” của Tuệ Trung Thượng Sĩ, tinh thần “Cư trần lạc đạo” của Trần Nhân Tông... trong Phật giáo Việt Nam thời Lý - Trần. *Thứ ba*, Phật giáo nhập thế là khuynh hướng tất yếu của Phật giáo để Phật giáo thích ứng và cống hiến giá trị cho cuộc đời. Lịch sử Phật giáo, đặc biệt lịch sử Phật giáo thế giới đương đại đã cho thấy khuynh hướng tất yếu đó qua sự đóng góp của các nhà hoạt động Phật giáo nhập thế,

như: Dalai Lama 14, Hòa thượng Tinh Vân, Sulak Sivaraksa, Robert Aitken Roshi, Joanna Macy, Gary Snyder, Alan Senauke, Ken Jones, Tara Brach và Bhikkhu Bodhi,... Chính nhờ vào các hoạt động xã hội phong phú của họ mà Phật giáo được biết đến nhiều hơn trên thế giới.

Ngoài nhân tố tự thân Phật giáo, nền tảng nhận thức Phật giáo dẫn thân của Thiền sư Thích Nhất Hạnh còn liên quan mật thiết với nhân tố thời đại, cụ thể là sự trì trệ, thiếu tính thích ứng của Phật giáo và tình hình chiến tranh ở Việt Nam những năm 60 của thế kỷ 20. Là một người có khuynh hướng phóng khoáng, cởi mở và luôn ưu tư về vận mệnh của Phật giáo và dân tộc, Thiền sư Thích Nhất Hạnh luôn bị thôi thúc bởi ý thức phải đem tuệ giác của Phật giáo đến với cộng đồng. Không thể trung thành mãi với lối sinh hoạt Phật giáo cũ kĩ thiếu sinh khí nữa, Phật giáo cần hồi sinh để giải quyết các vấn đề thời đại. Thiền sư Thích Nhất Hạnh thấy rằng ở mỗi thời đại, hoàn cảnh xã hội khác nhau thì con người có những khổ đau, bế tắc riêng, do đó những phương pháp thực tập, trị liệu khổ đau của Phật giáo cũng phải khác đi, phải thay đổi, phải tiến hóa để thích ứng với đời sống xã hội¹⁶. Đặc biệt, trong bối cảnh mà sự va chạm khốc liệt của hệ giá trị văn hóa, xã hội đã tạo nên ý thức vô minh, chia rẽ, hận thù thì việc cách tân Phật giáo - một tôn giáo gắn bó với dân tộc gần hai thiên niên kỷ - là việc làm mang tính cấp bách, nhằm làm sống lại hệ giá trị văn hóa, đạo đức Phật giáo và dân tộc, hàn gắn và thiết lập hòa bình cho dân tộc.

Tuy nhiên, nếu chỉ nhìn thấy sự cách tân, thích ứng của Phật giáo như là con đường hồi sinh hệ giá trị văn hóa Phật giáo và dân tộc mà thiếu đi những đường hướng chỉ dẫn mang tính thiết thực thì ý tưởng Phật giáo dẫn thân kia cũng không có cơ sở để thực thi. Trên thực tế, ở Việt Nam, không phải đến Thiền sư Thích Nhất Hạnh thì ý tưởng cách tân Phật giáo mới được đặt ra. Trước đó, tư tưởng này đã được một số trí thức Việt Nam đề xướng và đã tạo nên một diễn đàn tranh luận sôi nổi ở Việt Nam thời bấy giờ¹⁷. Có điều, những diễn đàn như vậy chỉ có thể gây ý thức về một Phật

giáo hiện đại thích nghi với bối cảnh xã hội mà chưa thực sự trở thành một phong trào hành động của một Phật giáo dân thân triệt để. Với Thiền sư Thích Nhất Hạnh thì khác, ông tìm thấy sự chỉ dẫn hành động mang tính thiết thực cho khuynh hướng Phật giáo dân thân ngay chính trong truyền thống tâm linh của mình, đó chính là tinh thần phóng khoáng, cởi mở và nhập thế cao độ của Phật giáo Lý - Trần, mà Thiền tông là nhân tố trực tiếp nhất.

2.2. Nội hàm khái niệm

“Phật giáo dân thân” thường được xem là khái niệm do Thiền sư Thích Nhất Hạnh đưa ra lần đầu tiên trong tác phẩm *Việt Nam: Hoa sen trong biển lửa* (Vietnam: Lotus in a Sea of Fire) do nhà xuất bản Hill and Wang xuất bản năm 1966 tại Mỹ và được Lá Bối tái bản vào năm 1967 tại Paris, Pháp. Tuy nhiên, trên thực tế, khái niệm này đã xuất hiện trong tác phẩm *Đạo Phật đi vào cuộc đời* và *Đạo Phật hiện đại hóa* của ông lần lượt xuất bản vào những năm 1964¹⁸ và 1965 với danh ngữ *Đạo Phật đi vào cuộc đời*. Có người cho rằng, Phật giáo dân thân là một phong trào tìm kiếm các giải pháp nhằm áp dụng Phật giáo vào mục đích cải biến tích cực xã hội về nhiều phương diện, mà Thiền sư Thích Nhất Hạnh là người đóng vai trò sáng lập¹⁹. Tuy nhiên, nếu xét kỹ hơn, Phật giáo dân thân không hẳn là một phong trào hay khuynh hướng hoàn toàn mới do Thiền sư Thích Nhất Hạnh sáng lập. Trên thực tế, tinh thần này vốn là bản chất của Phật giáo và nó được biểu hiện một cách phổ biến trong lịch sử phát triển của Phật giáo. Chính Allie B. King²⁰ - một nhà nghiên cứu Phật giáo dân thân có thẩm quyền cũng từng nhận định, nguồn gốc triết học và đạo đức của Phật giáo dân thân đã có mặt trong triết học và giá trị Phật giáo truyền thống²¹. Chỉ có điều, ở Thiền sư Thích Nhất Hạnh, Phật giáo dân thân biểu hiện một cách vô cùng sinh động và sâu sắc với nhiều hoạt động mang tính cách tân, sáng tạo, thậm chí nó được xem là táo bạo so với các hoạt động của Phật giáo truyền thống, đặc biệt là các hoạt động vận động hòa bình, làm mới đạo đức Phật giáo truyền thống.

Trong tiếng Việt, “Phật giáo dẫn thân” còn được biết tới với tên gọi khác, như: “Đạo Phật đi vào cuộc đời”, “Đạo Phật nhập thế”, “Đạo Bụt nhập thế”, “Đạo Bụt ứng dụng”²², “Phật giáo tham gia xã hội”. Trong tiếng Anh, thuật ngữ thường dùng để chuyển tải ý nghĩa này là “Engaged Buddhism”, đôi khi là “Humanistic Buddhism”, “Socially Engaged Buddhism”. Trong tiếng Hán, nó được biểu hiện bằng danh ngữ “Phật giáo nhập thế” (入世佛教), Phật giáo nhân sinh (人生佛教)²³, Phật giáo nhân gian (人间佛教)²⁴. Nhà nghiên cứu Dương Kiến cho rằng nội hàm Phật giáo dẫn thân gần với khái niệm “Phật giáo nhân sinh” của đại sư Thái Hư ở Trung Quốc và nội hàm khái niệm “Phật giáo nhân gian” của đại sư Tinh Vân ở Đài Loan, tức nhấn mạnh tinh thần nhập thế, khuyến khích con người chú ý nhiều hơn tới đời sống hiện tại, mang lợi ích đến với chúng sinh, cộng đồng, nhằm tích cực tham gia kiến thiết “Tịnh độ nhân gian”²⁵. Trong tác phẩm *Đạo Phật đi vào cuộc đời*, nội hàm Phật giáo dẫn thân được Thiền sư Thích Nhất Hạnh nêu lên một cách khái quát rằng:

... Dem đạo Phật đi vào cuộc đời có nghĩa là thể hiện những nguyên lý của đạo Phật sự sống, thể hiện bằng những phương thức phù hợp với thực trạng của cuộc đời để cải biến cuộc đời theo chiều hướng thiện mỹ. Chừng nào sinh lực của đạo Phật được trông thấy dào dạt trong mọi hình thức của sự sống chừng đó ta mới có thể nói được rằng đạo Phật đang thật sự hiện hữu trong cuộc đời²⁶.

Như vậy, trong ý nghĩa khái quát, Phật giáo dẫn thân trước hết là Phật giáo có mặt từng phút từng giây trong cuộc đời. Và Phật giáo dẫn thân cũng là nguồn tuệ giác để đáp ứng lại những gì xảy ra trong hiện tại bây giờ và ở đây²⁷. Ở đó, Phật tử ngoài việc tu học, hướng đến đời sống hạnh phúc, an lạc tự thân, phải nỗ lực cống hiến khả năng của mình trong việc cứu đời, giúp cho con người vui đi nổi thống khổ bằng các việc làm cụ thể. Ở khía cạnh này, Phật giáo dẫn thân không còn bó hẹp trong phạm vi một khái niệm Phật học thuần túy nữa, mà hơn hết nó là sứ mạng của Phật giáo, mà Phật tử, cả xuất gia và cư sĩ tại gia, đóng vai trò chủ thể hành động.

Từ đó có thể thấy, Phật giáo dẫn thân là một ý chí, ý thức, hành động phụng sự của con người trong bối cảnh xã hội mới không dựa trên sự chia rẽ, căm thù và bạo lực²⁸. Nhà nghiên cứu Damien Keown²⁹ nhận xét: “Phật giáo dẫn thân không chỉ thiết lập kết nối với các vấn đề xã hội, chính trị, kinh tế và sinh thái, mà còn hướng đến ý tưởng xây dựng cuộc sống bình thường của gia đình, cộng đồng và mối quan hệ giữa họ”³⁰. Mặt khác, có ý nghĩa quan trọng hơn là trong khi giúp con người ý thức và vượt qua hay chuyển hóa khổ đau, con người tham gia vào sứ mạng của Phật giáo dẫn thân vẫn không quên mục đích cao cả và quan trọng nhất của người Phật tử, đó là luôn giữ cho mình thái độ tỉnh giác về mặt tinh thần. Để làm được việc đó, không gì khác hơn ngoài con đường quay về con đường thực tập thiền, thực hành chính niệm bằng hơi thở có ý thức. Và trên thực tế, có thể nói, cuộc đời hoằng pháp của Thiền sư Thích Nhất Hạnh là sự biểu hiện sinh động của ý chí, hành động cho một Phật giáo dẫn thân mang tính thiết thực này. Nó không chỉ gây ý thức và tạo nên khuynh hướng sống thiền cho rất nhiều người trên thế giới, đặc biệt ở phương Tây hiện nay, mà nó còn có thể được xem như một khuynh hướng tu tập, một “Thừa” mới của Phật giáo trong thời hiện đại³¹.

3. Phật giáo dẫn thân: Các phương diện biểu hiện

3.1. Các hoạt động xã hội Phật giáo

Hoạt động xã hội (Social Work) là những hoạt động của con người giúp người khác giảm thiểu hay vượt qua những khó khăn cũng như những vấn đề trong đời sống³². Các hoạt động xã hội của Thiền sư Thích Nhất Hạnh khá phong phú và thể hiện tính nhập thế cao độ của Phật giáo.

Trước hết là hoạt động vận động hòa bình. Nếu như trong kinh điển Phật giáo, hòa bình có nghĩa là sự hợp tác của con người với nhau thông qua hành vi tập thể³³, thì trong ý nghĩa sâu sắc hơn, Thiền sư Thích Nhất Hạnh cho rằng đỉnh cao của hòa bình, bất bạo động chính là thái độ cởi mở, không kỳ thị, không cố chấp vào bất kỳ một quan điểm, chủ thuyết hay một ý thức hệ nào³⁴. Bởi vì, theo

ông, suy cho cùng gốc rễ của chiến tranh, xung đột nằm chính trong mỗi con người. Do đó, ở một chiều kích sâu sắc hơn, để chấm dứt chiến tranh, xung đột, con người cần phải “nhận ra, ôm ấp và chuyển hóa” những thái độ giận hờn, thù hận, tuyệt vọng trong chính bản ngã của mỗi người³⁵. Người ta không thể tạo nên một chuyển biến tích cực nào đáng kể khi trong bản thân họ đầy rẫy sự giận dữ. Hòa bình, bất bạo động không thể được tạo dựng bằng thái độ hô hào, giận dữ, la hét³⁶. Đó quả thực là một chiều kích lớn và sâu sắc của ông về quan điểm hòa bình. Ở chiều kích này, tư tưởng và hành động cho hòa bình của ông đã gặp gỡ tư tưởng và hành động của các cá nhân vĩ đại khác trên thế giới, như: Dalai Lama thứ 14, Gandhi, Daisaku Ikeda³⁷ v.v...³⁸.

Hoạt động vận động hòa bình của Thiền sư thể hiện trước hết ở chỗ nói lên tiếng nói của mình cho hòa bình của đất nước và con người Việt Nam. Để làm được điều đó, ông nỗ lực tranh thủ sự ủng hộ của tiến sĩ Martin Luther King, Jr cho vấn đề thiết lập hòa bình ở Việt Nam, tham gia trực tiếp những buổi làm việc với các nhóm quốc gia Á Phi để vấn đề Việt Nam được đưa lên nghị trình Đại hội đồng Liên Hợp Quốc³⁹. Ông trả lời báo chí nước ngoài về vấn đề Việt Nam để tranh thủ dư luận quốc tế cho việc thiết lập hòa bình ở trong nước... Không chỉ dừng lại ở chiều kích dân tộc, vận động hòa bình của Thiền sư Thích Nhất Hạnh còn hướng tới chiều kích nhân loại. Trong điều kiện có thể, ông sẵn sàng lên tiếng cho sự hòa bình chung của các dân tộc trên thế giới. Các sự kiện tham gia thuyết giảng tại giáo đường Riverside ở New York của ông nhằm cung cấp cái nhìn, phương pháp “Ôm lấy sự giận dữ” cho giới lãnh đạo nước Mỹ sau sự kiện 11 tháng 9 năm 2001, việc tổ chức lớp thiền và đưa ra những phương pháp xây dựng sự hòa bình cho người Israel và người Palestine năm 2002⁴⁰ cho thấy rõ điều đó.

Một biểu hiện khác trong hoạt động xã hội của Thiền sư Thích Nhất Hạnh là tổ chức hoạt động cứu trợ thuyền nhân trên biển. Đây là một trong những hoạt động thể hiện tính thích ứng, linh động của Phật giáo dẫn thân. Sau khi Việt Nam thống nhất năm 1975, số

lượng người từ Việt Nam vượt biên với hy vọng tìm đất sống mới ở các quốc gia khác ngày càng nhiều. Chỉ tính riêng những người tị nạn ở Mã Lai, Indonesia, Hồng Kông, Thái Lan, con số đã lên tới hơn 150.000 người. Trong khi đó, mỗi năm Mỹ chỉ nhận 1.000 thuyền nhân⁴¹, số còn lại phải tị nạn ở các quốc gia và vùng lãnh thổ trên. Nhưng đó cũng chỉ là con số thuyền nhân đã cập bờ. Ngoài ra, số lượng người đang lênh trên biển không thể biết được một cách chính xác. Trong tình hình ấy, Thiền sư Thích Nhất Hạnh và cộng sự của ông đã bắt tay vào việc cứu giúp thuyền nhân, vận động chính phủ Mỹ, Australia chấp nhận cho phép các thuyền nhân được vào nước.

Đương nhiên, điều đó không bao giờ là dễ dàng bởi lúc bấy giờ Thích Nhất Hạnh đang sống ở Pháp như một người tị nạn. Ngay cả một số nhà lãnh đạo Hội đồng tôn giáo Thế giới bấy giờ cũng không tin tưởng vào sự triển khai và thành công của chương trình này. Tuy nhiên, vì mục đích cứu sống hàng trăm ngàn người, Thiền sư Thích Nhất Hạnh không thể không hành động. Và thực tế là những nỗ lực của Thiền sư Thích Nhất Hạnh và các cộng sự của ông cho chương trình cứu giúp các thuyền nhân đã gặt hái được kết quả. Mỹ đã tăng chỉ tiêu lên từ 1.000 visa mỗi năm lên 8.000, sau đó 15.000 và cuối cùng là 100.000⁴². Kết quả đó không chỉ cho thấy những nỗ lực của ông và cộng sự của mình, mà nó còn cho thấy thái độ từ bi và sự táo bạo của ông trong hành động Phật giáo nhập thế: sẵn sàng vượt qua mọi rào cản của các hình thái sinh hoạt Phật giáo truyền thống, nhằm thích ứng với xã hội, mà vẫn giữ vững lý tưởng tu tập giải thoát như là bản chất của Phật giáo.

Ngoài hoạt động vận động hòa bình, cứu giúp thuyền nhân, Thích Nhất Hạnh còn nỗ lực cho hoạt động hòa hợp tôn giáo và xây dựng nền tảng đạo đức mang tính phổ quát. Thông thường, từ góc độ ý thức tôn giáo, mỗi tôn giáo có hệ giá trị đạo đức riêng, khu biệt với các tôn giáo khác. Tuy nhiên, xét về mặt bản chất, thuộc tính đạo đức nơi con người có những đặc tính thống nhất. Do đó, ý tưởng về một nền đạo đức mang tính phổ quát về nguyên tắc hoàn

toàn hợp lý và có tính khả thi. Dĩ nhiên, để thực thi điều đó, đòi hỏi người ta phải có một bản lĩnh lớn và một nền tảng ý thức khai phóng. Trong khi bản lĩnh lớn đó giúp con người vượt qua được những rào cản của những giá trị truyền thống không còn phù hợp hoặc thiếu tính ứng dụng trong bối cảnh xã hội mới, thậm chí ngay cả trong ý thức hệ tôn giáo mà đạo đức là một thuộc tính, để sẵn sàng cho một sự thay đổi, cách tân, thì nền tảng ý thức khai phóng lại là điểm tựa vững chắc cho những hành động có tính cách tân sáng tạo đó. Bởi trong cái nhìn toàn diện nhất, mọi cách tân, sáng tạo của cá nhân không thể tách rời văn hóa truyền thống. May mắn là những yếu tố đó hội đủ nơi Thiền sư Thích Nhất Hạnh. Ý thức về một nền tảng đạo đức mang tính phổ quát, ông cho rằng, nhân loại cần một hướng đi chung, một nếp sống đạo đức căn bản mà tại đó con người có thể xây dựng tình huynh đệ, mở rộng tình thương, để cùng nhau bảo vệ sự sống của mình và muôn loài. Nền đạo đức mà ông nói đó chính là Năm giới. Nhưng đó không phải là Năm giới theo cách diễn tả truyền thống, mà là Năm giới được diễn giải trong ý thức làm mới của ông và Tăng thân Làng Mai. Nói đúng hơn, đó là năm nguyên tắc thể hiện nếp sống chính niệm, có khả năng giúp con người sống có ý thức, có trách nhiệm, biết chấp nhận và tha thứ cho nhau, do đó nó vượt ra khỏi ý thức tôn giáo thông thường và mang giá trị phổ quát. Với nền tảng đạo đức mang tính phổ quát đó, ai cũng có thể thực tập được, không phân biệt thành phần xã hội, sắc tộc, giới tính, thậm chí là tôn giáo⁴³. Trên thực tế, có nhiều người thuộc các tôn giáo khác đến tu học tại các trung tâm thiền tập của ông, đặc biệt là ở Làng Mai, Pháp. Ở đó, ông không buộc người ta phải từ bỏ truyền thống tâm linh và tôn giáo của họ, mà chỉ yêu cầu họ thực tập những gì mà họ thấy hay trong đạo Phật⁴⁴. Với ông không cần nhân danh tôn giáo, chủ thuyết nào, cũng không cần sử dụng ngôn ngữ tôn giáo cho bất kỳ nỗ lực nào để đưa nền đạo đức mang tính phổ quát đến với mọi người. Điều thực sự cần thiết để công trình đó đi tới thành công không phải là một chủ thuyết hay một nền đạo đức mang tính tôn giáo, mà là một môi trường sống lý

tưởng của những cộng đồng người có khả năng thấu hiểu, yêu thương. Đó là lý do vì sao Thiền sư Thích Nhất Hạnh luôn xem việc xây dựng môi trường Tăng thân là điều quan trọng trong cuộc đời của người tu hành⁴⁵.

3.2. Hoạt động xây dựng Tăng thân, kiến lập đạo tràng

Hoạt động này đã được Thiền sư Thích Nhất Hạnh thực hiện từ rất sớm. Năm 1964⁴⁶ ông từng thành lập Trường Thanh niên Phụng sự Xã hội (School of Youth for Social Services - SYSS) - một tổ chức trực thuộc trường Đại học Vạn Hạnh và được xem là cơ sở đặt nền tảng cho các hoạt động Phật giáo dần thân về sau của ông⁴⁷. Đây là một trong những nỗ lực đầu tiên của Thiền sư Thích Nhất Hạnh hướng đến xây dựng đội ngũ những người dần thân lý tưởng cho nỗ lực đưa giá trị Phật giáo vào cuộc đời. Mặc dù rất tâm huyết với ngôi trường này và các hoạt động của nó, nhưng vì lập trường trung lập của mình, Thiền sư Thích Nhất Hạnh và cộng sự của ông cũng không thể duy trì hoạt động của tổ chức này. Tuy vậy, lý tưởng xây dựng con người đó chưa bao giờ bị cắt đứt, mà được tiếp nối một cách mạnh mẽ hơn trong hoạt động xây dựng Tăng thân và kiến lập đạo tràng của ông về sau. Nếu như việc xây dựng, đào tạo và tổ chức con người ở thời kỳ đầu của Thiền sư Thích Nhất Hạnh hướng tới đối tượng chủ yếu là những Phật tử trẻ, nhằm mục đích hàn gắn đau thương, cải tạo xã hội, thì việc xây dựng Tăng thân, kiến lập đạo tràng lại chưa bao giờ bị giới hạn vào bất kỳ đối tượng nào. Tăng thân có thể là tất cả người xuất gia nam nữ, các cư sĩ tại gia, thậm chí là những người không phải là Phật tử, nhưng luôn có ý thức sống tinh thức, cùng nâng đỡ sự thăng tiến tinh thức trong cộng đồng. Thậm chí, trong một chiều kích rộng rãi hơn, Tăng thân còn được hiểu là tất cả con người và mọi thứ xung quanh có tác dụng giúp con người trở về với chính niệm⁴⁸. Với ý nghĩa này, xây dựng Tăng thân là môi trường sống tu tập, bao gồm cả con người, thế giới xung quanh và mối quan hệ giữa chúng. Ở đó, con người có nhiều cơ hội hơn để chuyển hóa nỗi khổ niềm đau của tự thân và giúp người khác cùng chuyển hóa⁴⁹.

Có thể nói, ý thức xây dựng Tăng thân, kiến lập đạo tràng của Thiền sư Thích Nhất Hạnh hình thành từ rất sớm. Tuy vậy, nó bắt đầu được phổ biến và lớn mạnh sau việc thành lập Đạo tràng Mai thôn ở Pháp và sau các chuyến hoằng pháp khắp nơi trên thế giới. Người ta từ khắp nơi trên thế giới quy y, xuất gia với ông, trong đó nhiều người thuộc thành phần trí thức, nổi tiếng và có ảnh hưởng trong xã hội. Các đạo tràng tu học của Tăng thân cũng được thành lập ở khắp nơi, như Đạo tràng Làng Mai ở miền Nam nước Pháp (Plum Village); Tăng thân Bích Nham, Tăng thân Lộc Uyển ở Mỹ; Tăng thân Bầu Trời Xanh (Blue Sky Sangha) ở Canada; Trung tâm tu học Làng Mộc Lan (Magnolia Village Practice Center) ở Batesville; Viện Phật giáo ứng dụng châu Âu (European Institute of Applied Buddhism) ở Đức; Tăng thân East Midlands (East Midlands Sangha), Tăng thân Hoa Táo (Apple Blossom Sangha) ở Anh; Tăng già Chánh niệm (Mindfulness Sangha) ở Hà Lan; Tăng thân Nguồn An Lạc (Source of Joy Sangha) ở Thụy Điển; Tăng thân Zaragoza (Zaragoza Sangha) ở Tây Ban Nha; Tăng già Mây Lang Thang (Sanga of Floating Clouds) ở Na Uy; Tăng già Thanh Lưu Bách Hợp (Sangha White Water Lily) ở Phần Lan; Tăng thân Trái Tim (Sangha des Herzens), Tăng thân Xôi Nếp Một ở Thụy Sĩ; Tăng thân Hiểu và Thương (Comprensione e Compassion Sangha) ở Italy; Tăng thân Hoa Sen (Lotus Bud Sangha) ở Australia; Tăng thân Glasgow (Glasgow Sangha), Tăng thân Ánh Sáng Bắc Phương (Northern Lights Sangha) ở Scotland, v.v...

Ngoài ra, các Tăng thân tu tập theo phương pháp của Thiền sư Thích Nhất Hạnh cũng được thành lập ở nhiều nước thuộc các châu lục khác, ví dụ: Trung tâm Thực tập Chính Niệm ở Dehradun, Tăng thân Noida (Noida Sangha) ở Ấn Độ; Tăng thân Vườn Ươm ở Thái Lan; Tăng thân Khu vườn An lạc (Joyful Garden Sangha) ở Singapore; Tăng thân tu tập ở Bắc Kinh, Tăng thân Diệu Pháp Liên Hoa (Wonderful Lotus Sangha) ở Bắc Kinh, Trung Quốc; Trung tâm Thực hành Chính niệm Làng Mai (Plum Village Mindfulness Practice Center) ở Hồng Kông; Tăng thân Chiếc Bè tre (Bamboo

Raft Sangha), ở Indonesia; Tăng thân Tshedisa (Tshedisa Sangha) ở Botswana, châu Phi, v.v... Ở Việt Nam, cũng có một số các trung tâm, tự viện tu tập theo phương pháp tu tập của Thiền sư Thích Nhất Hạnh, như: Đạo tràng chùa Từ Hiếu, Huế Trung Bộ, Việt Nam. Đây là ngôi chùa Tổ đình, nơi Thiền sư Thích Nhất Hạnh xuất gia và tu học. Ngoài ra, còn có Trung tâm thiền tập chùa Khánh An, thuộc chùa Khánh An, Thành phố Hồ Chí Minh, Tăng thân Sống Chánh Niệm (Hà Nội Community of Mindful Living) ở Hà Nội, Tăng thân chùa Pháp Vân, Thành phố Hồ Chí Minh,... Có thể nói, xây dựng con người, xây dựng Tăng thân là hoạt động quan trọng trong việc hoằng pháp của Thiền sư Thích Nhất Hạnh. Nó không chỉ khẳng định giá trị, sự ảnh hưởng của thiền sư Thích Nhất Hạnh đối với đời sống tâm linh nhân loại, mà nó còn cho thấy sự lớn mạnh của khuynh hướng Phật giáo dần thân đã đang và sẽ được đón nhận trên thế giới như một khuynh hướng, truyền thống tâm linh mang tính thời đại.

3.3. Hoạt động hoằng pháp lợi sinh

Đây là hoạt động có tính nhất quán và liên tục nhất trong việc thực thi Phật giáo dần thân của Thiền sư Thích Nhất Hạnh. Hoạt động này biểu hiện ở nhiều phương diện. Cùng với những trước tác thể hiện quan điểm của mình thì một trong những biểu hiện quan trọng của quá trình đưa Phật giáo vào đời sống của Thiền sư Thích Nhất Hạnh là việc giảng dạy, thuyết pháp và tổ chức khóa tu cho các thiền sinh ở khắp nơi trên thế giới. Ông cũng đã từng đến những nơi đặc biệt, như: Hạ viện Mỹ, Quốc hội của các nước như Anh, Bắc Ireland, Ấn Độ, UNESCO, Ngân hàng Thế giới (WB), Đại hội Tôn giáo Thế giới (World Parliament of Religions), Đài tưởng niệm Thánh Gandhi (Gandhi Jayanti), v.v... để diễn thuyết. Nội dung diễn thuyết của Thiền sư Thích Nhất Hạnh luôn xoay quanh các vấn đề liên quan đến sự nhận diện, chuyển hóa khổ đau bằng tình thương và sự hiểu biết. Để nâng cao hiệu quả giảng dạy, ông đã kết hợp một cách nhuần nhuyễn con người thơ văn với khả năng sử dụng hình ảnh, một thiền sư đầy trí tuệ và một đứa trẻ tinh

ngịch nhằm tìm kiếm những phương pháp giảng dạy phù hợp với từng nhóm đối tượng cụ thể⁵⁰. Nhờ đó mà những phương pháp tu học của ông dễ dàng được tiếp nhận bởi nhiều tầng lớp, thành phần xã hội khác nhau trên thế giới.

Ngoài ra, việc giảng dạy của ông còn gắn liền với việc cung cấp hoặc thúc đẩy sự cung cấp môi trường tu học cho cộng đồng. Môi trường đó chính là Tăng thân, tức cộng đồng những người chung sống và thực tập với nhau như một đoàn thể. Ở đó, việc tổ chức khóa tu ngắn và dài hạn trở thành hoạt động cốt lõi và thường xuyên. Các khóa tu được tổ chức một cách linh động ở nhiều nơi khác nhau, từ trung tâm thiền học, chùa chiền, tự viện đến trường học, trung tâm thương mại đến cơ quan nhà nước, sở cảnh sát, thậm chí cả nhà tù, v.v... Nội dung chủ yếu của nó là những lời dạy về cái nhìn tương tác, mở rộng tình thương và nhận diện khổ đau bằng phương pháp thực tập chính niệm. Đây cũng là những nội dung gây cảm hứng cho phong trào Phật giáo dẫn thân trên toàn cầu⁵¹. Thiền sư Thích Nhất Hạnh cũng là người sáng kiến lập khóa tu tập mùa đông ở phương Tây và được nhiều tổ chức, nhóm, cộng đồng Phật giáo ứng dụng. Đây là một sáng kiến thể hiện tính thích ứng và sáng tạo của ông trong việc cung cấp môi trường tu học cho mọi người. Nó chưa từng diễn ra ở các nước phương Đông, kể cả ở Ấn Độ hay Trung Hoa.

4. Đặc trưng và ý nghĩa giá trị

4.1. Tính kế tục truyền thống

Phong trào Phật giáo dẫn thân của Thiền sư Thích Nhất Hạnh không phải là một hiện tượng ngẫu nhiên mà là sự tiếp nối tinh thần nhập thế trước đó của Phật giáo và Phật giáo Việt Nam. Xét một cách thấu đáo, tinh thần nhập thế đã có căn rễ trong Phật giáo Ấn Độ, Phật giáo Trung Quốc. Tinh thần đó biểu hiện càng rõ hơn ở Phật giáo Lý - Trần. Chính tinh thần nhập thế triệt để của Phật giáo thời kỳ này với các tên tuổi tiêu biểu, như: Thiền sư Vạn Hạnh, Quốc sư Trúc Lâm, Tuệ Trung Thượng Sĩ, Trần Thái Tông, Trần Nhân Tông... đã tạo nguồn cảm hứng lớn lao đối với Thiền sư

Thích Nhất Hạnh trong hành trình hiện đại hóa Phật giáo, đưa Phật giáo đi vào cuộc đời. Trong nhiều tác phẩm của Thiền sư Thích Nhất Hạnh, người ta có thể thấy tinh thần nhập thế này đã trực tiếp gọi mở cho ông con đường đưa Phật giáo vào cuộc đời. Trong tác phẩm *Hoa sen trong biển lửa*, Thiền sư Thích Nhất Hạnh viết:

Phật không ở trong núi, Phật ở ngay lòng người và hạnh phúc thái bình của quần chúng đòi hỏi người Phật tử phải làm nhiệm vụ mình trong lúc người Phật tử không thể sao nhãng phần sinh hoạt tâm linh của mình. Tinh thần nhập thế này của đạo Phật Việt Nam được biểu lộ trong đời sống của những con người Phật tử khác, như: Tuệ Trung, Nhân Tông, Vạn Hạnh⁵².

Cũng như các thiền sư thời kỳ này, Thiền sư Thích Nhất Hạnh nhận thức rõ rằng Phật giáo cần phải có mặt trong cuộc đời như là một lối sống hướng thượng, giúp con người vượt qua khổ đau hay ít ra cũng làm giảm thiểu khổ đau của cuộc đời. Phật giáo không thể quay lưng với cuộc đời, không thể vắng mặt trong cuộc đời. Đó cũng là ý nghĩa thiết thực mà Phật giáo mang đến cho con người, không chỉ người Việt Nam, mà còn hướng đến nhân loại toàn cầu. Bởi vì nếu Phật giáo không có mặt trong cuộc đời, không lắng nghe và giúp con người giải quyết các vấn nạn liên quan đến khổ đau thì Phật giáo không còn là Phật giáo nữa. Sự gắn bó của Phật giáo với cuộc đời, với đau khổ của con người nhằm giải phóng họ khỏi khổ đau luôn là vấn đề mang tính bản chất của đạo Phật, đặc biệt là đạo Phật theo khuynh hướng Đại thừa.

Đương nhiên, kế thừa tinh thần nhập thế của đạo Phật nói chung và tinh thần nhập thế của Phật giáo Lý - Trần nói riêng không có nghĩa là bắt chước một cách rập khuôn các hình thức nhập thế của các thời đại quá khứ ấy. Thiền sư Thích Nhất Hạnh nhận thức rất rõ điều đó. Ông cho rằng, mỗi thời đại khác nhau có những khổ đau riêng, những khó khăn riêng, do đó, Phật giáo đi vào cuộc đời, giải quyết các khổ đau, vấn nạn của cuộc đời cũng cần có những hình thái mới phù hợp với bối cảnh xã hội cụ thể⁵³. Không thể cứ mãi có níu kéo, luyến tiếc quá khứ trong khi những giá trị đó không còn

phù hợp với thời đại nữa. Tinh thần tùy duyên bất biến của Phật giáo Đại thừa, đặc biệt là Thiền tông luôn là bài học sáng giá cho ứng xử Phật giáo của Thiền sư Thích Nhất Hạnh. Nó giúp cho Phật giáo dẫn thân của ông không ngừng thích ứng với xã hội trong khi vẫn giữ được những giá trị mang tính truyền thống, bản chất của Phật giáo. Tính kế thừa truyền thống trong sự nghiệp đưa Phật giáo vào đời của Thiền sư Thích Nhất Hạnh là biết chọn lọc và sẵn sàng đào thải những yếu tố gây trở ngại cho sự phát triển của Phật giáo, để cho Phật giáo thấm sâu vào đời sống của con người, của cộng đồng, xã hội. Với Thiền sư Thích Nhất Hạnh, chỉ khi nào các nguyên lý bản chất của Phật giáo có mặt trong mọi hình thái sinh hoạt của cuộc đời thì khi đó mới có thể nói rằng Phật giáo đi vào cuộc đời.

4.2. Tính thích ứng với thời đại

Tính thích ứng là đặc điểm nổi bật của tinh thần dẫn thân nhằm hướng tới mục tiêu giải quyết các vấn đề khổ đau, các vnan nạn của con người trong xã hội. Bởi vì, đặc điểm tâm lý cộng đồng ở mỗi thời đại luôn có sự chuyển biến nhất định. Nhu cầu của con người đối với Phật giáo cũng không ngoại lệ. Mỗi thời điểm khác nhau đòi hỏi Phật giáo phải có những hình thái sinh hoạt thích ứng với xã hội để tồn tại. Có thích ứng với xã hội thì Phật giáo mới được cộng đồng tiếp nhận dễ dàng và thể hiện được giá trị của nó đối với đời sống. Nếu không thích ứng thì Phật giáo sẽ khô cứng trong hình thức và khuôn khổ. Nhưng nếu thích ứng mà đánh mất bản chất của mình, thì Phật giáo cũng không còn là Phật giáo nữa. Sự thích ứng của Phật giáo sở dĩ được cộng đồng tiếp nhận vì trong khi thích ứng với xã hội, Phật giáo không tự đánh mất bản chất của mình, nghĩa là nó luôn giữ được giá trị từ bi, hiểu biết và tự do của nó. Nói theo tinh thần Phật giáo Đại thừa, đó là “Tùy duyên nhi bất biến”.

Thích ứng xã hội của Phật giáo dẫn thân chỉ có nghĩa là thay đổi hình thái sinh hoạt Phật giáo để phù hợp hơn với tâm lý xã hội, nhưng vẫn giữ gìn, không đánh mất giá trị bản chất của Phật giáo. Cần chú ý là, vì mang tính thích ứng, nên những hình thức sinh

hoạt của Phật giáo dẫn thân của Thiền sư Thích Nhất Hạnh cũng không ngừng thay đổi và tiếp tục thích ứng với xã hội đương đại. Thậm chí, trong cùng một thời điểm, nhưng không gian khác nhau, những hình thức đó cũng biểu hiện khác nhau. Có những hình thức sinh hoạt Phật giáo dẫn thân của ông phù hợp với tâm lý của xã hội phương Tây, nhưng nó không phù hợp với tâm lý của xã hội phương Đông. “Thiền ôm” là một ví dụ điển hình. Chính bản thân Thiền sư Thích Nhất Hạnh cũng từng tỏ ra vô cùng linh hoạt trong vấn đề nhận thức về phương thức hành động của Phật giáo dẫn thân này. Ông cho rằng, Phật giáo dẫn thân không phải là một chủ thuyết Phật giáo, mà là pháp môn tu tập trong bối cảnh xã hội cụ thể; nó không phải là chân lý của mọi thời đại, mà là nhận thức và hành động hữu ích cho thời đại nhất định. Có thể trong thời điểm nào đó nó sẽ không còn phù hợp nữa, nhưng nó sẽ làm tròn sứ mệnh của nó trong giai đoạn lịch sử nhất định⁵⁴.

4.3. Tính cách tân, sáng tạo

Tính cách tân, sáng tạo trong Phật giáo dẫn thân của Thiền sư Thích Nhất Hạnh được khởi nguồn từ lịch sử cuộc cách mạng giáo lý và giáo chế trong lịch sử Phật giáo, trong đó có cuộc cách mạng giáo lý và giáo chế trong lịch sử Phật giáo Việt Nam. Chính nhờ những cuộc cách tân, sáng tạo đó mà sinh lực của Phật giáo được tiếp nối và phát triển mạnh mẽ trong cuộc đời. Có thể thấy, tính cách tân, sáng tạo của hoạt động Phật giáo dẫn thân của Thiền sư Thích Nhất Hạnh biểu hiện ở nhiều phương diện. Trước hết, nó đến từ nhận thức của cá nhân ông. Ông tự thấy rằng không có một chiều kích cũ nào của quan niệm cộng đồng, xã hội hay một ý thức hệ nào có thể dung chứa con người mình: “Áo của tôi, tôi muốn tôi được tự may lấy. Tôi không tìm ra được thứ áo mà xã hội may sẵn. Chiếc áo tôi, trước mắt xã hội, sẽ có vẻ dị kỳ, sẽ không được chấp nhận. Tôi biết điều đó. Mà đây không phải chỉ là vấn đề một chiếc áo - đây là vấn đề của cả con người của tôi. Tôi từ chối tất cả những thước đo người ta bắt buộc chúng ta phải dùng. Tôi nghĩ rằng tôi có một thước đo riêng của tôi, do tôi tìm ra”⁵⁵. Nhận thức đó

không chỉ là nền tảng cho những cách tân, sáng tạo trong hoạt động Phật giáo dẫn thân của ông sau này, mà còn là biểu hiện của khuynh hướng cởi mở, tự do như bản chất của Phật giáo được tiếp nối không ngừng trong lịch sử Phật giáo.

Ở phương diện hoạt động xã hội và hoằng pháp, sự cách tân đó thể hiện ở thái độ và hành động xây dựng môi trường tu học và cách thức sinh hoạt của nó. Có thể thấy điều đó qua việc xác lập tính dân chủ trong sự vận hành tổ chức Làng Mai và các Tăng thân khắp nơi trên thế giới. Thật ra, tính dân chủ không phải là một cái gì đó quá mới mẻ trong Phật giáo. Nhưng trong chiều hướng tính dân chủ đó có phần phai nhạt, hoặc không được thực hiện một cách đúng mức trong tổ chức Phật giáo, thì việc xác lập tính dân chủ trong tổ chức Tăng thân của Thiền sư Thích Nhất Hạnh là điều hết sức quý báu. Nó khơi nguồn và xác lập sự bình đẳng trong sinh hoạt mang tính cộng đồng của Phật giáo. Tính cách tân, sáng tạo của Phật giáo dẫn thân còn thể hiện qua cách Thiền sư Thích Nhất Hạnh lý giải kinh điển Phật giáo, cách tổ chức khóa tu tập thiền quán kết hợp với sinh hoạt truyền thống tâm linh, kết nối cộng đồng, thiết lập tình huynh đệ. Điểm nổi bật nhất trong khuynh hướng cách tân, sáng tạo của Thiền sư Thích Nhất Hạnh đối với Phật giáo dẫn thân còn phải kể tới việc ông đã thiết lập nên một nền đạo đức mới mang tính phổ quát. Có thể thấy rõ điều đó qua nội dung thực hành của Năm giới, Mười bốn giới tiếp hiện. Đặc biệt, nó còn thể hiện rõ hơn qua những nguyên tắc đạo đức trong *Giới bản Khất sĩ tân tu* mà ông và Tăng thân của mình lập nên nhằm nâng cao phẩm hạnh của người xuất sĩ. Đây là sự cách tân mang tính táo bạo của ông trong hoạt động Phật giáo dẫn thân nói chung và trong vai trò người làm mới nền đạo đức Phật giáo nói riêng.

Đương nhiên, như những gì ông ý thức được, những cách tân, sáng tạo của ông một mặt mang đến cho con người trong xã hội những giá trị mới sinh động, nhưng đồng thời nó cũng khiến cho nhiều người nghi ngờ, thậm chí cho đó là sự phá hoại Phật giáo. Bởi không phải ai trong Phật giáo cũng sẵn sàng cho sự thay đổi,

cách tân, nhất là về phương diện đạo đức - một lĩnh vực mà chính truyền thống của nó không cho phép các cá nhân tự ý thay đổi dưới bất kỳ lý do gì. Chính Edwad Conze - một nhà nghiên cứu Phật giáo có tiếng từng nói, trong Phật giáo, đối với truyền thống, sự thay đổi, cách tân không được khuyến khích⁵⁶. Tuy nhiên, dù muốn dù không, trên thực tế truyền thống không đại diện cho toàn bộ Phật giáo. Phật giáo là một tổng thể, trong đó có nhiều khuynh hướng truyền thống, tu học khác nhau. Mỗi truyền thống, khuynh hướng như vậy có sự lựa chọn giá trị riêng. Có nhiều người cấp tiến, họ sẵn sàng tiếp nhận những cái mới, khi nhận thấy nó phù hợp với tinh thần cởi mở, phóng khoáng của Phật. Và chính những truyền thống, khuynh hướng hay đối tượng đó là động cơ để sự cách tân, sáng tạo của Thiền sư Thích Nhất Hạnh không ngừng được biểu hiện.

Kết luận

Phật giáo dẫn thân do thiền sư Thích Nhất Hạnh đề xuất không phải là một khái niệm Phật học thuần túy, mà đúng hơn là một sứ mạng của Phật giáo trong hành trình đưa Phật giáo vào cuộc đời của ông trong bối cảnh xã hội đương đại. Đó là những hoạt động mang tính thực tiễn dựa trên nền tảng kế thừa tinh thần nhập thế của Phật giáo nói chung và Phật giáo Lý - Trần nói riêng. Nó vượt qua mọi trở ngại của quan điểm xã hội và ý thức tôn giáo có tính cách bảo thủ để hướng đến giải quyết các vấn đề của thời đại, trong khi vẫn giữ được bản chất của Phật giáo. Nói cách khác, Phật giáo dẫn thân của thiền sư Thích Nhất Hạnh là nỗ lực của ông nhằm thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ tự lợi và lợi tha như là bản chất của tự thân Phật giáo.

Xuất phát từ lợi ích thiết thực của con người, hoạt động Phật giáo dẫn thân của Thiền sư Thích Nhất Hạnh được biểu hiện một cách phong phú qua nhiều phương diện, trong đó nổi bật nhất là các hoạt động, như: vận động hòa bình, giúp đỡ thuyền nhân, trẻ em nghèo và mù chữ trên thế giới, xây dựng Tăng thân và kiến lập đạo tràng. Ngoài ra, hoạt động này còn bao hàm cả các công việc thuyết

pháp, tổ chức khóa tu, sáng tác, xây dựng nền đạo đức mang tính phổ quát... Thông qua các hoạt động này, Thiền sư Thích Nhất Hạnh và Tăng thân của ông không chỉ giúp nhiều người và gia đình tìm thấy một cuộc sống bình yên và hạnh phúc, mà còn tạo ra một xu hướng sống thiên tích cực trong xã hội. Đặc biệt, việc xây dựng Tăng thân khắp nơi trên thế giới cùng với các hoạt động phong phú mang tính nhập thế của nó đã đưa con người đến gần hơn với Phật giáo, đặc biệt là người phương Tây.

Cuối cùng, mặc dù Phật giáo dẫn thân không phải là một khuynh hướng hoàn toàn mới trên thế giới, nhưng nỗ lực đưa Phật giáo vào cuộc đời của Thiền sư Thích Nhất Hạnh được coi là đã có những đóng góp to lớn cho văn hóa Phật giáo và đời sống con người. Ở đó, lòng từ bi và sự hiểu biết được coi là những yếu tố cốt lõi tạo ra một hệ thống giá trị mới cho Phật giáo. Mặc dù hoạt động này không phải lúc nào cũng thuận lợi, đặc biệt là trong các hoạt động xã hội, nhưng với lòng từ bi, trí tuệ và niềm tin của mình, Thiền sư Thích Nhất Hạnh chưa bao giờ dừng lại trên con đường lý tưởng đó. Hiện tại, mặc dù tuổi cao và tật bệnh không cho phép ông trực tiếp tham gia các hoạt động Phật giáo dẫn thân nữa, nhưng sự nghiệp của ông vẫn tiếp tục được tiếp nối bởi nhiều người trên thế giới, đặc biệt là các học trò, Tăng thân của ông trên khắp thế giới./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Sinh ngày 27/3/1932, là nhà hoạt động xã hội người Thái Lan, nhà văn, đồng thời là người sáng lập tổ chức phi chính phủ Thái Lan Sathirakoses-Nagapradeepa Foundation. Ông đã khởi xướng một số phong trào xã hội, nhân đạo, sinh thái và tâm linh ở Thái Lan. Ở phương Tây, ông được biết đến như một trong những người sáng lập nên Mạng lưới Phật giáo dẫn thân quốc tế (The International Network of Engaged Buddhists – INEB), được thành lập vào năm 1989, trong đó có các nhà sư Phật giáo có tầm ảnh hưởng lớn trên thế giới như Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14, thiền sư Thích Nhất Hạnh...
- 2 Tên đầy đủ là Robert Baker Dairyu Chotan Aitken Rōshi (19/6/1917 – 5/8/2010), người Mỹ, là một thiền sư trong dòng Harada-Yasutani, Nhật Bản. Ông là đồng sáng lập Tăng đoàn Kim cương Honolulu vào năm 1959 cùng với vợ của mình, Anne Hopkins Aitken. Aitken nhận truyền Pháp từ

- Koun Yamada (1907–1989) – một vị thiền sư người Nhật Bản – vào năm 1985 nhưng quyết định sống như một cư sĩ. Bên cạnh việc tu học và tổ chức các khóa tu thiền, Robert Rōshi còn là một nhà hoạt động xã hội tích cực, ông từng lên tiếng phản đối thử nghiệm hạt nhân và cuộc chạy đua vũ trang giữa Mỹ và Liên Xô trong Thế chiến thứ hai, lên tiếng phê bình chiến tranh ở Việt Nam, lên tiếng bảo vệ quyền bình đẳng nam nữ, đặc biệt ông hết sức chú ý tới vấn đề bảo vệ hòa bình và môi trường sinh thái.
- 3 Joanna Rogers Macy (2/5/1929), là một nhà triết học sinh thái người Mỹ, một học giả, một nhà thực hành và chia sẻ Phật giáo như là một phương pháp giải quyết các khó khăn trong cuộc sống thường nhật. Bà đã tạo ra Work That Reconnects Network, một chương trình cung cấp một quy chuẩn và phương pháp luận để thay đổi cá nhân và xã hội. Bà đồng thời cũng được biết tới như một tiếng nói quan trọng trong các phong trào vì hòa bình, công lý và bảo vệ môi trường.
 - 4 Gary Snyder (08/05/1930), sinh ra ở Mỹ và có nguồn gốc Đức, Scotland, Ireland và Anh. Ông được biết đến với tư cách là một nhà thơ, một nhà viết tiểu luận, đồng thời cũng là một giảng viên, một nhà hoạt động môi trường với khuynh hướng chủ nghĩa vô chính phủ. Ông từng giành được Giải thưởng Pulitzer về Thơ và Giải thưởng Sách của Mỹ. Trong những năm 1950, Snyder tham gia vào sự trỗi dậy của một nhóm chủ nghĩa vô chính phủ Phật giáo nổi lên từ phong trào Beat và đã từng dành nhiều thời gian ở Nhật Bản để nghiên cứu về Thiền tông và xuất bản một bài tiểu luận có nhan đề "Chủ nghĩa vô chính phủ của Phật giáo", mô tả mối liên hệ và sự khác biệt của truyền thống ở các nơi khác nhau trên thế giới. Ông ủng hộ "sử dụng các phương tiện như bất tuân dân sự, chỉ trích, phản đối thẳng thắn chủ nghĩa hòa bình, nghèo đói tự nguyện và thậm chí bạo lực nhẹ nhàng" và bảo vệ "quyền đa chủng tộc của các cá nhân và quyền thể hiện đúng giới tính của con người".
 - 5 Alan Senauke sinh năm 1947 trong một gia đình Do Thái thế tục ở Brooklyn, New York. Alan là một nghệ sĩ, thành viên của ban nhạc Bluegrass Intentions. Năm 1968 ông đến tu học thiền tại Trung tâm Thiền Berkeley ở San Francisco. Năm 1991, ông trở thành Giám đốc Điều hành của Hiệp hội Hòa bình Phật giáo (BBF) và làm việc ở đây cho đến năm 2001. Ông cũng được biết tới là nhà sáng lập của Think Sangha, một nhóm các nhà văn và trí thức có liên kết với BPF và Mạng lưới Phật giáo dẫn thân quốc tế, hoạt động xã hội vì mục tiêu gây ảnh hưởng tích cực và thay đổi xã hội bằng quan điểm Phật giáo. Ông cũng là người sáng lập Dự án Clear View, tập trung vào các nỗ lực cứu trợ và thay đổi xã hội ở châu Á, gần đây nhất là ở Miến Điện.
 - 6 Ken Jones (1930-2015), là nhà hoạt động Phật giáo, nhà thơ và giáo viên người xứ Wales. Ông là một người có tiếng nói quan trọng trong Phật giáo, đồng thời là người sáng lập và sau này là chủ tịch của Mạng lưới

Phật giáo dẫn thân của Vương quốc Anh. Ông đồng thời là thành viên của Ủy ban Cố vấn Quốc tế của Hiệp hội Hòa bình Phật giáo. Ông là tác giả của tác phẩm nổi tiếng *The Social Face of Buddhism, Everyday Buddhism* và *The New Social Face of Buddhism*. Ông từng giảng dạy tại Western Chan Fellowship và là một nhà thơ Haiku và Haibun xuất sắc.

- 7 Tara Brach sinh ngày 17/05/1953 là một nhà tâm lý học, tác giả và người đề xướng thiền Phật giáo người Mỹ. Bà có học vị tiến sĩ, là giáo viên hướng dẫn và là người sáng lập Cộng đồng Thiền Insight của Washington, D.C. (IMCW). Bà cũng giảng dạy về thiền Phật giáo tại các trung tâm thiền và yoga ở Hoa Kỳ và Châu Âu bao gồm Trung tâm Thiền Spirit Rock ở Woodacre, California, Trung tâm Kripalu và Viện Nghiên cứu Toàn diện Omega. Tara Brach là một Phật tử chuyên về việc áp dụng các giáo lý Phật giáo và thiền chánh niệm vào việc chữa các chứng bệnh liên quan đến vấn đề cảm xúc con người.
- 8 Bhikkhu Bodhi sinh ngày 10/12/1944, tên khai sinh là Jeffrey Block, là một nhà sư Phật giáo Nguyên thủy người Mỹ, xuất gia tại Sri Lanka và hiện đang giảng dạy tại New York và New Jersey. Ông được bổ nhiệm làm chủ tịch thứ hai của Hiệp hội Xuất bản Phật giáo và đã biên tập và tác giả một số ấn phẩm dựa trên truyền thống Phật giáo Nguyên thủy. Năm 1966, ông lấy bằng B.A. về triết học từ Đại học Brooklyn. Năm 1972, ông lấy bằng Tiến sĩ triết học tại Đại học Claremont Graduate. Năm 1967, ông xuất gia tu tập trong hệ phái Đại thừa Việt Nam. Năm 1972, sau khi tốt nghiệp, Bodhi du hành đến Sri Lanka và thọ giới Cụ túc tại đây. Năm 1984, kế nhiệm người đồng sáng lập Nyanaponika Thera, Bodhi được bổ nhiệm làm biên tập viên tiếng Anh của Hiệp hội Xuất bản Phật giáo (BPS, Sri Lanka) và vào năm 1988, trở thành chủ tịch của tổ chức này. Năm 2000, tại Đại lễ Vesak chính thức đầu tiên của Liên hợp quốc, Bodhi đã có bài phát biểu quan trọng. Năm 2002, sau khi nghỉ hưu với tư cách là biên tập viên của BPS, Bodhi trở về Hoa Kỳ. Hiện ông sống và giảng dạy tại Tu viện Chuang Yen (Carmel, New York), và là chủ tịch Hiệp hội Phật giáo Hoa Kỳ.
- 9 Sallie B. King (1996), “Thich Nhat Hanh and the Unified Buddhist Church of Vietnam: Nondualism in Action,” in Christopher S. Queen and Sallie B. King (eds.), *Socially Engaged Buddhism*, State University of New York Press, Albany: 322.
- 10 Thích Nhất Hạnh (1967), *Hoa sen trong biển lửa*, Nxb. Lá Bối, Paris: 40.
- 11 Sallie B. King (2009), “Engaged Buddhism and Humanistic Buddhism: A Comparison of Principles and Practices”, in 財團法人佛光山文教基金會 (Ed.), 《人間佛教及參與佛教的模式與展望—2009 年佛學研究論文集》 (Quỹ Văn giáo Tài Đoàn Pháp Nhân Phật Quang Sơn (Ed.), *Mô*

thức và triển vọng của Phật giáo nhân gian và Phật giáo Dẫn thân – Nghiên cứu Phật học 2009): 425.

- 12 Thích Nhất Hạnh (1964), *Đạo Phật đi vào cuộc đời*, Nxb. Lá Bối, Sài Gòn: 3.
- 13 Lúc đầu, sau khi thành đạo, Đức Thế tôn không muốn thuyết pháp, vì Ngài nhận thấy giáo pháp của Ngài chứng ngộ thâm sâu khó hiểu, trong khi chúng sinh nhiều phiền não không thể tiếp nhận được ý chỉ của giáo pháp này. Nhưng sau đó, nhận lời thỉnh cầu của Phạm thiên Sahampati, Đức Phật mới bắt đầu hành trình thuyết pháp của mình. Tham khảo: Thích Minh Châu dịch (2016), *Đại tạng kinh Nam truyền Việt Nam, Tương Ưng Bộ*, tập 1, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 221-224.
- 14 Khi Tăng đoàn Phật giáo lên đến con số 60, Đức Phật khuyến khích Tăng chúng chia nhau du hành khắp nơi nhằm mục đích chia sẻ, truyền bá phương pháp sống tỉnh thức, giác ngộ cho mọi người: “Này các Tỷ-kheo, hãy du hành vì hạnh phúc cho quần chúng, vì an lạc cho quần chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người. Chớ có đi hai người một chỗ. Này các Tỷ-kheo, hãy thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn. Hãy tuyên thuyết phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh”. Tham khảo: Thích Minh Châu dịch (2016), *Đại tạng kinh Nam truyền Việt Nam, Tương Ưng Bộ*, tập 1, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 178.
- 15 Chẳng hạn, để thích ứng với nhu cầu của xã hội, Đức Phật đã không ngừng chế định, điều chỉnh và hoàn thiện các học xứ giới luật. Trong đó, không thiếu các học xứ vốn là những hành động được thực hiện như là sự hồi ứng của Tăng đoàn đối với các phản ứng của cư sĩ tại gia và dư luận xã hội. Có thể tham khảo thêm: 屈大成 (2011): 《原始佛教僧团生活导论》，新文豐出版公司，台北：第 53-55 页 (Khuất Đại Thành (2011), *Nghiên cứu Đời sống Tăng đoàn Phật giáo Nguyên thủy*, Nxb. Tân Văn Phong, Đài Bắc: 53-55)
- 16 Thích Nhất Hạnh (2012), *Hướng đi của đạo Bụt cho hòa bình và môi sinh* (The world we have), Chân Hội Nghiêm dịch, Nxb. Lao Động, Hà Nội: 31.
- 17 Thích Nhất Hạnh (2000), *Tương lai thiền học Việt Nam*, Nxb. Lá Bối, Paris: 20.
- 18 Lại Quốc Khánh (2018), “Phật giáo nhập thế, tiếp cận từ tư tưởng Phật giáo nhập thế của Trần Nhân Tông”, Nguyễn Kim Sơn (chủ biên), *Phật giáo nhập thế và các vấn đề xã hội đương đại*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội: 349.
- 19 Phe, Bach; Simon Brinkmann, Robinson; W. Edward Bureou (2016), “A Case Study and the Manifestation of Thich Nhat Hanh’s Vision of the Five Mindfulness Trainings”, Dion Peoples (eds.) *Journal of the International Association of the Buddhist Universities*, Jiabu Vol. 9, No. 2: 89.

- 20 Một nữ Giáo sư, nhà nghiên cứu về Phật giáo dẫn thân nổi tiếng trên thế giới. Cùng với Christopher S. Queen, tác phẩm của bà được xem là những nghiên cứu tiên phong về khuynh hướng Phật giáo nhập thế trên thế giới. Bà có nhiều tác phẩm nổi tiếng liên quan trực tiếp tới phong trào Phật giáo dẫn thân ở các nước trên thế giới, trong đó *Socially Engaged Buddhism - Dimensions of Asian Spirituality (Phật giáo tham dự xã hội - các chiều hướng của tâm linh châu Á)* và *(Engaged Buddhism: Buddhist Liberation Movements in Asia (Phật giáo nhập thế: Phong trào giải phóng Phật giáo ở châu Á)* (đồng tác giả) là hai công trình tiêu biểu nhất.
- 21 Allie B. King (2009), *Socially Engaged Buddhism - Dimensions of Asian Spirituality*, University of Hawaii press, Honolulu: 2.
- 22 Thích Nhất Hạnh (2008), “History of Engaged Buddhism: A Dharma Talk by Thích Nhất Hạnh, Hanoi, Vietnam, May 6-7, 2008”, *Human Architecture: Journal of Self-Knowledge*, Vol. 6, No. 3: 36.
- 23 Khái niệm này do đại sư Thái Hư (Trung Quốc) đề xuất.
- 24 Khái niệm này do đại sư Tinh Vân (Đài Loan) đề xuất.
- 25 杨健 (2017) : 〈一行禅师与越南佛教的国际化〉, 《世界宗教文化》, 第 6 期, 第 58 页 (Dương Kiên (2007), “Thiền sư Thích Nhất Hạnh và hoạt động Quốc tế hóa Phật giáo Việt Nam”, *Tạp chí Văn hóa Tôn giáo thế giới*, kỳ 6: 58.)
- 26 Thích Nhất Hạnh (1964), *Đạo Phật đi vào cuộc đời*, Nxb. Lá Bối, Sài Gòn: 4.
- 27 Thích Nhất Hạnh (2008), “History of Engaged Buddhism: A Dharma Talk by Thích Nhất Hạnh, Hanoi, Vietnam, May 6-7, 2008”, *Human Architecture: Journal of Self-Knowledge*, Vol. 6, No. 3: 31.
- 28 Thích Nhất Hạnh (2000), *Giới tiếp hiện - Thế đứng lý tưởng của người thanh niên*, Nxb. Lá Bối, Paris: 8.
- 29 Damien Keown (sinh năm 1951) là một nhà đạo đức sinh học nổi tiếng và có thẩm quyền về đạo đức sinh học Phật giáo. Ông tốt nghiệp tiến sĩ Tôn giáo học tại Đại học Oxford năm 1986. Tác phẩm tiêu biểu của ông gồm có: Bản chất của Đạo đức Phật giáo (1992) và Đạo đức & Đạo đức Sinh học (1995). Một trong những cuốn sách được đọc nhiều nhất của ông là *Buddhist Ethics: A Very Short Introduction* (Đạo đức Phật giáo: một giới thiệu ngắn về đạo đức Phật giáo).
- 30 Damien Keown (2005), *Buddhist Ethics: A Very Short Introduction*, Oxford university Press, Oxford: 33.
- 31 Damien Keown (2005), *Buddhist Ethics: A Very Short Introduction*, Oxford university Press, Oxford: 33.
- 32 Tatsuru Akimoto (2018): “Khám phá công tác xã hội Phật giáo - Báo cáo sơ bộ: Mô hình ABC và khung khái niệm hoạt động”, Nguyễn Kim Sơn

- (Chủ biên), *Phật giáo nhập thế và các vấn đề xã hội đương đại*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội: 119.
- 33 Kim Thêm, Đỗ (2014), “The way to World Peace via an Integrated Kantian and Buddhist Perspective”, Thích Nhất Tu and Thích Dục Thiên (eds.), *Buddhist Contribution to Global Peace Building*, Vietnam Buddhist University Press, Series 24: 251-249.
- 34 Thích Nhất Hạnh (2017), *Hướng đi của đạo Bụt cho hòa bình và môi sinh* (The World we have), Chân Hội Nghiêm dịch, Nxb. Lao Động, Hà Nội: 38.
- 35 Thích Nhất Hạnh (2009), “Những đóng góp của đạo Bụt cho một xã hội công bằng, dân chủ và văn minh”, Thích Nhất Hạnh và Tăng thân, *Những con đường đi vào huyền thoại*, Nxb. Phương Đông, Tp. Hồ Chí Minh: 109-120
- 36 Thích Nhất Hạnh (2019), “Nghệ thuật cầu nguyện”, Nhiều tác giả, *Người thầy của tình thức và thương yêu – Thiền sư Thích Nhất Hạnh dưới góc nhìn của báo chí quốc tế*, Chân Tại Nghiêm, Chân Trắng Mai Thôn dịch, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội: 191.
- 37 Daisaku Ikeda (2/1/1928) là một nhà triết học Phật giáo, nhà giáo dục, tác giả và người ủng hộ việc giải trừ vũ khí hạt nhân người Nhật. Ông từng là chủ tịch sáng lập của Soka Gakkai International (SGI), tổ chức cư sĩ Phật giáo lớn nhất thế giới, có khoảng 12 triệu hành giả tại gần 200 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới.
- 38 Maria Luisa A. Vaidez (2014), “Teachings on Peace of the 14th Dalai Lama and Selected Literary Philosophers: Implications for Global Peace Education”, *Asia Pacific Journal of Multidisciplinary Research*, Vol. 2, No. 3: 90-91.
- 39 Thích Nhất Hạnh (1972), *Nẻo về của ý*, Nxb. An Tiêm, Sài Gòn: 142.
- 40 Jo Confino (2019), “Chỉ có tình thương mới có thể cứu chúng ta khỏi những hiểm họa của biến đổi khí hậu”, Nhiều tác giả, *Người thầy của tình thức và thương yêu - Thiền sư Thích Nhất Hạnh dưới góc nhìn của báo chí quốc tế*, Chân Tại Nghiêm, Chân Trắng Mai Thôn dịch, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội: 79.
- 41 真空 (2012), 《真爱的功课：追随一行禅师五十年》，陆鸿基等译，法鼓文化，台北：第 252 页 (Chân Không (2012), *Bài học yêu thương: Năm mươi năm theo thầy học đạo*, Lục Hồng Cơ dịch, Văn hóa Pháp Cổ, Đài Bắc: 252).
- 42 真空 (2012), 《真爱的功课：追随一行禅师五十年》，陆鸿基等译，法鼓文化，台北：第 269 页。(Chân Không (2012), *Bài học yêu thương: Năm mươi năm theo thầy học đạo*, Lục Hồng Cơ dịch, Văn hóa Pháp Cổ, Đài Bắc: 269).

- 43 Thích Nhất Hạnh (2017), *Hướng đi của đạo Phật cho hòa bình và sinh môi* (The World the have), Nxb. Lao Động, Tp. Hồ Chí Minh: 35.
- 44 Thích Nhất Hạnh (2016), *Thương yêu theo lời Phật dạy*, Nxb. Phương Đông, Tp.HCM: 13.
- 45 Tom Levitt (2019), “Trong 100 năm nữa có thể loài người sẽ không còn tồn tại trên trái đất”, Nhiều tác giả, *Người thầy của tình thức và thương yêu - Thiền sư Thích Nhất Hạnh dưới góc nhìn của báo chí quốc tế*, Chân Tại Nghiêm, Chân Trắng Mai Thôn dịch, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội: 89.
- 46 Thích Nhất Hạnh (1972), *Nẻo về của ý*, Nxb. An Tiêm, Sài Gòn: 211.
- 47 Sallie B. King (1996), “Thich Nhat Hanh and the Unified Buddhist Church of Vietnam: Nondualism in Action” in *Socially Engaged Buddhism*, Christopher S. Queen and Sallie B. King (eds.), Albany: State University of New York Press, 323.
- 48 Thích Nhất Hạnh (2019), *Trái tim của Phật*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh: 149.
- 49 Thích Nhất Hạnh (2004), *Thiết lập tịnh độ - Kinh A-di-đà Thiền giải*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 121.
- 50 Thích Nhất Hạnh, Katherine Weare (2019), *Thầy cô giáo hạnh phúc sẽ thay đổi thế giới*, Nxb. Hà Nội, Hà Nội: 35-36.
- 51 Trevor Carolan (2019), “Tiếng chuông chánh niệm: Chân dung thiền sư Thích Nhất Hạnh” (Mindfulness Bell: A Profile of Thich Nhat Hanh), Nhiều tác giả, *Người thầy của tình thức và thương yêu - Thiền sư Thích Nhất Hạnh dưới góc nhìn của báo chí quốc tế*, Chân Tại Nghiêm, Chân Trắng Mai Thôn dịch, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội: 256.
- 52 Thích Nhất Hạnh (1967), *Hoa sen trong biển lửa*, Nxb. Lá Bối, Paris: 19.
- 53 Thích Nhất Hạnh (2017), *Hướng đi của đạo Phật cho hòa bình và môi sinh* (The World we have), Chân Hội Nghiêm dịch, Nxb. Lao Động, Hà Nội: 17.
- 54 Thích Nhất Hạnh (1965), *Đạo Phật hiện đại hóa*, Nxb. Lá Bối, Sài Gòn: 95.
- 55 Thích Nhất Hạnh (1972), *Nẻo về của ý*, Nxb An Tiêm, Sài Gòn: 129.
- 56 Edwad Conze (2015), *Phật giáo - bản chất và sự phát triển* (Buddhiism: Its essence and development), Nxb. Phương Đông, Tp. Hồ Chí Minh: 31.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Sallie B. King (1996), “Thich Nhat Hanh and the Unified Buddhist Church of Vietnam: Nondualism in Action,” in Christopher S. Queen and Sallie B. King (eds.), *Socially Engaged Buddhism*, State University of New York Press, Albany.
2. Thích Nhất Hạnh (1967), *Hoa sen trong biển lửa*, Nxb. Lá Bối, Paris.

3. Sallie B. King (2009), “Engaged Buddhism and Humanistic Buddhism: A Comparison of Principles and Practices”, in 財團法人佛光山文教基金會 (Ed.), 《人間佛教及參與佛教的模式與展望—2009 年佛學研究論文集》 (Quỹ Văn giáo Tài Đoàn Pháp Nhân Phật Quang Sơn (Ed.), *Mô thức và triển vọng của Phật giáo nhân gian và Phật giáo Dân thân – Nghiên cứu Phật học 2009*).
4. Thích Nhất Hạnh (1964), *Đạo Phật đi vào cuộc đời*, Nxb. Lá Bối, Sài Gòn.
5. Thích Minh Châu dịch (2016), *Đại tạng kinh Nam truyền Việt Nam, Tương Ứng Bộ*, Tập 1, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
6. 屈大成 (2011): 《原始佛教僧团生活导论》, 新文豐出版公司, 台北。(Khuất Đại Thành (2011): *Nghiên cứu Đời sống Tăng đoàn Phật giáo Nguyên thủy*, Nxb. Tân Văn Phong, Đài Bắc).
7. Thích Nhất Hạnh (2010), *Hướng đi của đạo Bụt cho hòa bình và môi sinh* (The World we have), Chân Hội Nghiêm dịch, Nxb. Lao động, Hà Nội.
8. Thích Nhất Hạnh (2000), *Tương lai thiền học Việt Nam*, Nxb. Lá Bối, Paris.
9. Lại Quốc Khánh (2018), “Phật giáo nhập thế, tiếp cận từ tư tưởng Phật giáo nhập thế của Trần Nhân Tông”, Nguyễn Kim Sơn (chủ biên), *Phật giáo nhập thế và các vấn đề xã hội đương đại*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
10. Phe, Bach; Simon Brinkmann, Robinson; W. Edward Bureou (2016), “A Case Study and the Manifestation of Thich Nhat Hanh’s Vision of the Five Mindfulness Trainings”, Dion Peoples (eds.) *Journal of the International Association of the Buddhist Universities*, Jiabu Vol. 9, No. 2.
11. Allie B. King (2009), *Socially Engaged Buddhism – Dimensions of Asian Spirituality*, University of Hawaii press, Honolulu.
12. Thích Nhat Hanh (2008), “History of Engaged Buddhism: A Dharma Talk by Thich Nhat Hanh, Hanoi, Vietnam, May 6-7, 2008”, *Human Architecture: Journal of Self-Knowledge*, Vol.6, No.3.
13. 杨健 (2017): 〈一行禅师与越南佛教的国际化〉, 《世界宗教文化》, 第 6 期。(Dương Kiện (2007): “Thiền sư Thích Nhất Hạnh và hoạt động Quốc tế hóa Phật giáo Việt Nam”, *Văn hóa Tôn giáo thế giới*, kỳ 6).
14. Thích Nhất Hạnh (2000), *Giới tiếp hiện – Thế đứng lý tưởng của người thanh niên*, Nxb. Lá Bối, Paris.
15. Damien Keown (2005), *Buddhist Ethics: A Very Short Introduction*, Oxford university Press, Oxford: 33.

16. Tatsuhiro Akimoto (2018), “Khám phá công tác xã hội Phật giáo - Báo cáo sơ bộ: Mô hình ABC và khung khái niệm hoạt động”, Nguyễn Kim Sơn (Chủ biên), *Phật giáo nhập thế và các vấn đề xã hội đương đại*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
17. Kim Thêm, Đỗ (2014), “The way to World Peace via an Integrated Kantian and Buddhist Perspective”, Thích Nhất Tu and Thích Đức Thiên (eds.), *Buddhist Contribution to Global Peace Building*, Vietnam Buddhist University Press, Series 24.
18. Thích Nhất Hạnh (2009), “Những đóng góp của đạo Bụt cho một xã hội công bằng, dân chủ và văn minh”, Thích Nhất Hạnh và Tăng thân, *Những con đường đi vào huyền thoại*, Nxb. Phương Đông, Tp. Hồ Chí Minh.
19. Nhiều tác giả, *Người thầy của tình thức và thương yêu – Thiền sư Thích Nhất Hạnh dưới góc nhìn của báo chí quốc tế*, Chân Tại Nghiêm, Chân Trăng Mai Thôn dịch, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
20. Maria Luisa A. Vaidez (2014), “Teachings on Peace of the 14th Dalai Lama and Selected Literary Philosophers: Implications for Global Peace Education”, *Asia Pacific Journal of Multidisciplinary Research*, Vol. 2, No. 3.
21. 真空 (2012), 《真爱的功课: 追随一行禅师五十年》, 陆鸿基等译, 法鼓文化, 台北。(Chân Không (2012), *Bài học yêu thương: Năm mươi năm theo thầy học đạo*, Lục Hồng Cơ dịch, Văn hóa Pháp Cổ, Đài Bắc).
22. Thích Nhất Hạnh (2016), *Thương yêu theo lời Bụt dạy*, Nxb. Phương Đông, Tp. Hồ Chí Minh.
23. Thích Nhất Hạnh (2019), *Trái tim của Bụt*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
24. Thích Nhất Hạnh (2004), *Thiết lập tịnh độ - Kinh A-di-đà Thiền giải*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
25. Thích Nhất Hạnh (2008), *Quyền lực đích thực (The art of Power)*, Chân Đạt dịch, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
26. Thích Nhất Hạnh, Katherine Weare (2019), *Thầy cô giáo hạnh phúc sẽ thay đổi thế giới*, Nxb. Hà Nội, Hà Nội.
27. Vu Lăng Ba (2019): *Đức Phật Thích-ca trong Phật giáo Nguyên thủy*, Thích Hạnh Bình, Phương Anh dịch, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
28. Edwad Conze (2015), *Phật giáo – Bản chất và sự phát triển (Buddhism: Its essence and development)*, Nxb. Phương Đông, Tp. Hồ Chí Minh.

Abstract**ENGAGED BUDDHISM OF THE ZEN BUDDHIST
THÍCH NHẤT HẠNH: CONCEPTS AND EXPRESSIONS****Pham Hoai Phong***Faculty of Philosophy, Humanities Academy,
Xiamen University, China***Phan Van Chin***University of Social Sciences & Humanities,
Ho Chi Minh City*

The Zen Buddhist teacher Thich Nhat Hanh has been the initiator of the movement “Engaged Buddhism” since the 60s of the 20th century. His “engaged Buddhism” has been known as a new trend of Buddhism in the modern period and widely accepted in the world, especially in the West (Europe-America countries). It can be said that along with prominent figures of the movement to bring Buddhism to life, such as the 14th Dalai Lama, Venerable Tinh Van, Sulak Sivaraksa, Robert Aitken Roshi, Joanna Macy, Gary Snyder, Alan Senauke, Ken Jones, Tara Brach và Bhikkhu Bodhi, the Zen Buddhist teacher Thich Nhat Hanh’s “engaged Buddhism” activities have brought a new vitality to Buddhist life all over the world, including Vietnam Buddhism. Based on studying his documents and active life, this study shows the concept of the “engaged Buddhism”, expression, features, and values in contemporary social life.

Keywords: Thich Nhat Hanh; engaged Buddhism; contemporary; Vietnam Buddhism; feature; value.